TỈNH PHÚ THỌ - XÃ NGUYỆT ĐỨC

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU ĐẤT ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG NGỌN BÃI, THÔN LƯỠNG 2, XÃ NGUYỆT ĐỨC

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ: 1/500

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT QHCT TỶ LỆ 1/500 KHU ĐẤT ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG NGỌN BÃI, THÔN LƯỠNG 2, XÃ NGUYỆT ĐỨC

STT	Ký hiệu	Loại đất	DT đất (m^2)	Tỷ lệ (%)
I	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ	9171	59,41
1	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 1	711,0	2,31
2	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 2	2709,0	18,04
3	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 3	2160,0	1,87
4	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 4	2159,0	8,04
5	LK	ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 5	1660,0	11,82
II	CC	ĐẤT CÔNG CỘNG	817,0	5,29
III	CX	ĐẤT CÂY XANH	2180,0	14,06
IV	MN	ĐẤT MẶT NƯỚC	500,0	3,24
V		ĐẤT BÃI ĐỖ XE + ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT NƯỚC SẠCH NHÀ	254,0	0,97
VI		ĐẤT GIAO THÔNG	1129,0	44,09
		TỔNG	15439,0	100,00

CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT QHCT TỶ LỆ 1/500 KHU ĐẤT ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG NGỌN BÃI, THÔN LƯỠNG 2, XÃ NGUYỆT ĐỨC

STT	Ký hiệu	Loại đất	DT đất (m^2)	Số Lượng Ô đất LK	DT XD (m^2)	DT sàn (m^2)	MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số sàn
I		ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ	9171	52	7030	20615	83,00	4,0	295
1		ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 1	711	9	598	1944	84,06	3,5	26
1.01	LK.1.01	Thửa số 1	179	1	150	584	83,80	3,5	1
1.02	LK.1.02	Thửa số 2	120	1	100	330	83,33	3,3	1
1.03	LK.1.03	Thửa số 3	120	1	100	330	83,33	3,3	1
1.04	LK.1.04	Thửa số 4	90	1	75	300	83,33	4,0	1
1.05	LK.1.05	Thửa số 5	90	1	75	300	83,33	4,0	1
1.06	LK.1.06	Thửa số 6	90	1	75	300	83,33	4,0	1
1.07	LK.1.07	Thửa số 7	90	1	75	300	83,33	4,0	1
1.08	LK.1.08	Thửa số 8	122	1	102	408	83,60	4,0	1
2		ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 2	2709	36	2261	11304	83,46	5	90
2.01	LK.2.01	Thửa số 1	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.02	LK.2.02	Thửa số 2	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.03	LK.2.03	Thửa số 3	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.04	LK.2.04	Thửa số 4	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.05	LK.2.05	Thửa số 5	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.06	LK.2.06	Thửa số 6	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.07	LK.2.07	Thửa số 7	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.08	LK.2.08	Thửa số 8	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.09	LK.2.09	Thửa số 9	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.10	LK.2.10	Thửa số 10	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.11	LK.2.11	Thửa số 11	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.12	LK.2.12	Thửa số 12	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.13	LK.2.13	Thửa số 13	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.14	LK.2.14	Thửa số 14	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.15	LK.2.15	Thửa số 15	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.16	LK.2.16	Thửa số 16	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.17	LK.2.17	Thửa số 17	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.18	LK.2.18	Thửa số 18	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.19	LK.2.19	Thửa số 19	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.20	LK.2.20	Thửa số 20	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.21	LK.2.21	Thửa số 21	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.22	LK.2.22	Thửa số 22	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.23	LK.2.23	Thửa số 23	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.24	LK.2.24	Thửa số 24	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.25	LK.2.25	Thửa số 25	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.26	LK.2.26	Thửa số 26	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.27	LK.2.27	Thửa số 27	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.28	LK.2.28	Thửa số 28	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.29	LK.2.29	Thửa số 29	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.30	LK.2.30	Thửa số 30	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.31	LK.2.31	Thửa số 31	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.32	LK.2.32	Thửa số 32	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.33	LK.2.33	Thửa số 33	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.34	LK.2.34	Thửa số 34	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.35	LK.2.35	Thửa số 35	75	1	63	315	84,00	5,0	1
2.36	LK.2.36	Thửa số 36	75	1	63	315	84,00	5,0	1
3		ĐẤT Ở NHÀ CƯ LIỀN KỀ 3	2160	36	1814	9072	83,96	5,0	72
3.01	LK.3.01	Thửa số 1	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.02	LK.3.02	Thửa số 2	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.03	LK.3.03	Thửa số 3	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.04	LK.3.04	Thửa số 4	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.05	LK.3.05	Thửa số 5	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.06	LK.3.06	Thửa số 6	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.07	LK.3.07	Thửa số 7	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.08	LK.3.08	Thửa số 8	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.09	LK.3.09	Thửa số 9	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.10	LK.3.10	Thửa số 10	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.11	LK.3.11	Thửa số 11	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.12	LK.3.12	Thửa số 12	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.13	LK.3.13	Thửa số 13	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.14	LK.3.14	Thửa số 14	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.15	LK.3.15	Thửa số 15	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.16	LK.3.16	Thửa số 16	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.17	LK.3.17	Thửa số 17	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.18	LK.3.18	Thửa số 18	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.19	LK.3.19	Thửa số 19	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.20	LK.3.20	Thửa số 20	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.21	LK.3.21	Thửa số 21	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.22	LK.3.22	Thửa số 22	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.23	LK.3.23	Thửa số 23	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.24	LK.3.24	Thửa số 24	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.25	LK.3.25	Thửa số 25	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.26	LK.3.26	Thửa số 26	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.27	LK.3.27	Thửa số 27	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.28	LK.3.28	Thửa số 28	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.29	LK.3.29	Thửa số 29	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.30	LK.3.30	Thửa số 30	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.31	LK.3.31	Thửa số 31	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.32	LK.3.32	Thửa số 32	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.33	LK.3.33	Thửa số 33	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.34	LK.3.34	Thửa số 34	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.35	LK.3.35	Thửa số 35	60	1	54	270	90,00	5,0	1
3.36	LK.3.36	Thửa số 36	60	1	54	270	90,00	5,0	1
II		ĐẤT CÔNG CỘNG	817,0						
	CC	Công trình công cộng đầu mối	817,0						
III		ĐẤT CÂY XANH	2180,0						
1.1	CX1	Cây xanh bảo vệ hạ tầng kỹ thuật nước sạch nhà máy nước Lâm Thao	2172,0						
1.2	CX2	Cây xanh bảo vệ hạ tầng kỹ thuật – Hồ điều hòa	1408,0						
IV		MẶT NƯỚC NỘI ĐỒNG	500,0						
2.1	MN1	Hồ kinh thoát nước	41,0						
2.2	MN2	Hồ kinh thoát nước	463,0						
V		BÃI ĐỖ XE + ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT NƯỚC SẠCH NHÀ	254,0						
5.1		Bãi đỗ xe tham quan	254,0						
VI		ĐẤT GIAO THÔNG	1129,0						
6.1		Giao thông nội bộ	729,0						
6.2	P	Bãi đỗ xe tham quan	400,0						
		Giao thông Liên đầu cầu							
		Tổng	15439,0	92	7844	30687	49,79	3,9-5,0	295

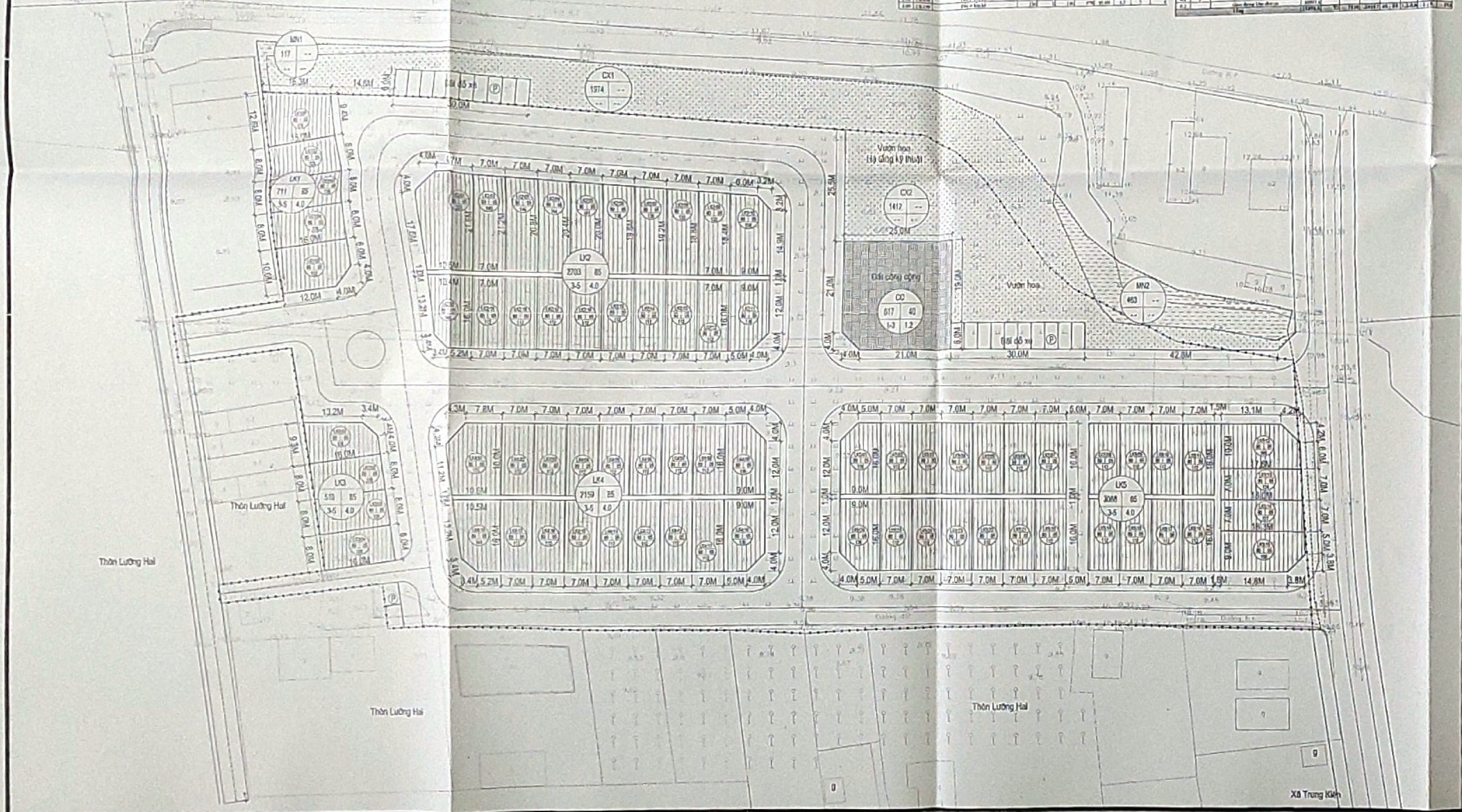

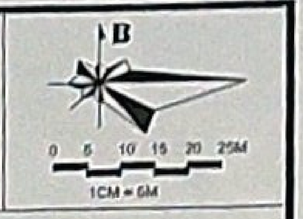

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI ĐẤT QHCT
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN + ĐẤT HTKT
- BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT GIAO THÔNG

TÊN LÔ ĐẤT: LK2

DIỆN TÍCH (M2)	MẬT ĐỘ XD (%)
1697	80
TẦNG CAO: 3-5	HỆ SỐ SDĐ: 4.0

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

UBND XÃ NGUYỆT ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số: 02 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2026)

PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Quang Dũng

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGUYỆT ĐỨC

(Kèm theo Tờ trình số: 04 /TT-KT ngày 09 tháng 01 năm 2026)

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thùy Lâm

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD XÃ NGUYỆT ĐỨC

(Kèm theo Tờ trình số: 01 /TT-QLDA ngày 02 tháng 02 năm 2025)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Tuấn

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU ĐẤT ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT TẠI KHU ĐỒNG NGỌN BÃI, THÔN LƯỠNG 2, XÃ NGUYỆT ĐỨC

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH 03	QUY CÁCH: 1 A1	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: __/__/2025
THIẾT KẾ	KTS. HOÀNG HỮU THÀNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ HOÀNG HẠNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. LÊ HOÀNG HẠNH		
KIỂM TRA	KTS. LÊ HOÀNG HẠNH		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

GIÁM ĐỐC

KS. PHÙNG VĂN TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 255

ĐỊA CHỈ: THÔN HƯNG THỊNH - XÃ HỘI THỊNH - TỈNH PHÚ THỌ

TEL: 0978.226.255

Scanned by TapScanner